



TIMES EDU

Learn today lead tomorrow

SỔ TAY DÀNH CHO PHỤ HUYNH & HỌC SINH

Sổ tay điểm số & quy đổi

Hiểu bảng điểm quốc tế của con

Giải mã A*–G · IB 1–7 · AP 1–5 · GPA
Percentile · và cách đọc transcript quốc tế

Đồng hành cùng phụ huynh và học sinh
trên hành trình giáo dục quốc tế

Điểm số của con thực sự nói lên điều gì?

Kính gửi quý phụ huynh và các em học sinh,

Khi con bước vào một chương trình giáo dục quốc tế như IGCSE, A Level, IB hay AP, có một điều rất nhiều phụ huynh chia sẻ với chúng tôi: **“Tôi nhìn vào bảng điểm của con nhưng không biết như vậy là cao hay thấp.”** Đây là một băn khoăn hoàn toàn chính đáng, bởi bảng điểm quốc tế được xây dựng trên những triết lý đánh giá rất khác với hệ thống thang điểm 10 quen thuộc ở Việt Nam.

Hãy thử hình dung vài tình huống rất thật:

- Con đạt **điểm 7 môn Toán trong IB** — nghe giống “7/10”, nhưng thực ra 7 là **mức cao nhất** của hệ điểm IB.
- Con được **B ở A Level** — nhiều phụ huynh lo lắng vì nghĩ đó là “trung bình”, trong khi B ở một chương trình chuyên sâu vẫn là kết quả tốt và được nhiều đại học công nhận.
- **GPA 3.7** nghe rất ổn, nhưng giá trị thực sự còn phụ thuộc vào độ khó của các môn con đã chọn.
- Con đứng ở **85th percentile** — con số dễ khiến phụ huynh hiểu nhầm là “85 điểm”, trong khi ý nghĩa hoàn toàn khác.

Phụ huynh cần nhớ

Mỗi hệ thống điểm phản ánh một **triết lý đánh giá** riêng. Một con số chỉ có ý nghĩa khi được đặt trong đúng bối cảnh: chương trình nào, môn gì, cấp độ ra sao và hướng tới mục tiêu đại học nào.

Cuốn sổ tay này ra đời để làm đúng một việc: **giải mã**. Chúng tôi sẽ cùng quý phụ huynh đi qua từng hệ điểm phổ biến — A*–G, 9–1, IB 1–7, AP 1–5, GPA và percentile — bằng ngôn ngữ dễ hiểu, có ví dụ minh họa và bảng tham khảo cụ thể. Mục tiêu không phải tạo thêm áp lực điểm số, mà giúp gia đình **hiểu đúng giá trị của điểm số** để đồng hành cùng con một cách bình tĩnh và có chiến lược.

Times Edu xin được đồng hành cùng quý phụ huynh trong hành trình này.

Đội ngũ Times Edu

Tư vấn & đồng hành giáo dục quốc tế

Nội dung cuốn sổ tay

Cuốn sổ tay được chia thành 13 phần, đi từ tư duy nền tảng đến từng hệ điểm cụ thể, sau đó là quy đổi, cách đọc transcript và những việc phụ huynh có thể làm ngay.

Lời mở đầu Điểm số của con thực sự nói lên điều gì?

Phần 1 Vì sao bảng điểm quốc tế khó hiểu?

Phần 2 Giải mã hệ điểm IGCSE và GCSE

Phần 3 Giải mã hệ điểm A Level

Phần 4 Giải mã hệ điểm IB 1–7

Phần 5 Giải mã hệ điểm AP 1–5

Phần 6 GPA là gì?

Phần 7 Percentile là gì?

Phần 8 Quy đổi điểm — nên và không nên

Phần 9 Cách đọc transcript quốc tế

Phần 10 Điểm số và mục tiêu đại học

Phần 11 Khi con có điểm chưa tốt, phụ huynh nên làm gì?

Phần 12 Checklist & công cụ dành cho phụ huynh

Phần 13 Kết luận & lời khuyên từ Times Edu

Bảng điểm quốc tế không chỉ là con số

Phản xạ tự nhiên của hầu hết chúng ta khi nhìn một điểm số là so sánh nó với thang 10: “7 thì khá, 9 thì giỏi, dưới 5 là yếu”. Nhưng với bảng điểm quốc tế, cách nghĩ này thường dẫn đến hiểu nhầm. Mỗi chương trình có một hệ điểm riêng, được thiết kế để đo những năng lực khác nhau và phục vụ những mục tiêu khác nhau.

Một điểm số luôn gắn với bối cảnh

Cùng là “điểm 6”, nhưng 6 trong IB là **rất tốt**, còn 6/10 ở Việt Nam lại là mức trung bình. Vì vậy, để hiểu đúng, một điểm số cần được đặt trong bốn lớp bối cảnh:

- **Chương trình:** IGCSE, A Level, IB hay AP — mỗi hệ có thang và chuẩn riêng.
- **Môn học:** cùng điểm A nhưng A môn Toán nâng cao khác A môn ít cạnh tranh hơn.
- **Cấp độ:** ví dụ Higher Level (HL) so với Standard Level (SL) trong IB.
- **Mục tiêu:** điểm cần đạt phụ thuộc vào ngành và nhóm trường con hướng tới.

Ví dụ thực tế

- **IB 6/7** thường tương đương một thành tích học thuật rất mạnh.
- **AP 4/5** thường là điểm tốt, được nhiều trường đánh giá cao.
- **A Level B** vẫn được nhiều đại học công nhận tốt, tùy ngành và trường.

TÓM TẮT NHANH

Đừng đọc điểm quốc tế bằng tư duy thang 10. Hãy hỏi: **điểm này thuộc hệ nào, ở môn gì, cấp độ nào và phục vụ mục tiêu nào?**

5 sai lầm phổ biến khi đọc bảng điểm

Những hiểu nhầm dưới đây rất thường gặp — và đều có thể khiến phụ huynh lo lắng không cần thiết hoặc đánh giá sai năng lực thực của con.

1. Quy đổi mọi thứ về thang điểm 10

Đây là sai lầm gốc rễ. Việc cố ép IB, A Level hay GPA về “trên 10” làm mất đi ý nghĩa thật của từng hệ điểm.

2. Nghĩ càng nhiều chữ A càng tốt mà bỏ qua độ khó môn

Một bảng điểm toàn A ở các môn dễ chưa chắc mạnh bằng bảng điểm có vài chữ B nhưng ở những môn nâng cao, phù hợp ngành con theo đuổi.

3. So sánh con với bạn học khác chương trình

So điểm IB của con với điểm A Level của bạn là so hai hệ quy chiếu khác nhau — không công bằng và dễ gây áp lực vô ích.

4. Không phân biệt predicted grade và final grade

Điểm dự đoán (predicted) và điểm chính thức (final) là hai khái niệm khác nhau. Nhầm lẫn chúng dẫn đến kỳ vọng sai.

5. Chỉ nhìn điểm tổng mà bỏ qua xu hướng tiến bộ

Một học sinh đi từ B lên A rồi A* cho thấy đà tiến bộ rất tích cực — điều mà điểm tổng đơn lẻ không phản ánh được.

Lưu ý quan trọng

Phần lớn lo lắng của phụ huynh đến từ việc đọc một con số **tách rời khỏi bối cảnh**. Trước khi kết luận, hãy kiểm tra xem mình có đang mắc một trong năm sai lầm trên không.

Điểm số quốc tế thực sự đánh giá điều gì?

Điểm số trong các chương trình quốc tế không chỉ đo việc “học thuộc”. Chúng được thiết kế để phản ánh một tập hợp năng lực mà các đại học quan tâm — đặc biệt là khả năng học tốt ở bậc cao hơn.

Năng lực được đánh giá	Thể hiện qua điều gì
Kiến thức học thuật	Mức độ nắm vững nội dung môn học theo chuẩn đầu ra.
Kỹ năng phân tích	Khả năng chia nhỏ vấn đề, nhìn ra mối liên hệ.
Kỹ năng viết & lập luận	Trình bày ý mạch lạc, có dẫn chứng, đúng văn phong học thuật.
Tư duy phản biện	Đặt câu hỏi, đánh giá nhiều góc nhìn, không học vẹt.
Giải quyết vấn đề	Áp dụng kiến thức vào tình huống mới, chưa từng gặp.
Tính nhất quán	Duy trì kết quả ổn định qua nhiều bài, nhiều kỳ.
Khả năng học ở đại học	Sẵn sàng cho khối lượng và độ sâu của bậc cao hơn.

Phụ huynh cần nhớ

Khi con đạt điểm cao ở một hệ quốc tế, điều đó thường nói lên nhiều hơn là “con thuộc bài”. Nó cho thấy con đang xây được những kỹ năng nền tảng cho việc học lâu dài.

TÓM TẮT NHANH

Điểm quốc tế đo **năng lực học thuật tổng hợp**, không chỉ trí nhớ. Hiểu được điều này giúp phụ huynh trân trọng đúng những gì con đang tích lũy.

IGCSE là gì và vì sao điểm IGCSE quan trọng?

IGCSE (International General Certificate of Secondary Education) là chứng chỉ giáo dục trung học quốc tế, thường được học vào khoảng **lớp 9–10** hoặc tương đương. Đây là bước nền tảng trước khi con bước vào A Level, IB hoặc các chương trình dự bị đại học.

Vai trò của IGCSE trong hành trình học

- Là **nền móng học thuật**: giúp đánh giá con đang vững ở đâu trước khi chọn hướng đi chuyên sâu.
- Là **cơ sở chọn môn**: kết quả IGCSE thường định hướng việc con nên học môn nào ở A Level/IB.
- Là **bằng chứng năng lực sớm**: một số trường đại học có thể xem xét điểm IGCSE/GCSE cho yêu cầu đầu vào cơ bản, đặc biệt với **Toán và tiếng Anh**.

Ví dụ thực tế

Một học sinh đạt IGCSE Mathematics mức cao sẽ có nền tảng thuận lợi để chọn A Level Mathematics hoặc IB Mathematics HL — những môn rất quan trọng cho ngành kỹ thuật, kinh tế và khoa học máy tính.

Nói cách khác, IGCSE không phải “kỳ thi cho qua”, mà là tấm bản đồ đầu tiên cho thấy thế mạnh học thuật của con.

Thang điểm chữ A*–G trong IGCSE

Hệ điểm chữ là cách chấm IGCSE quen thuộc nhất. Thang đi từ A* (cao nhất) xuống G, và U là **ungraded** – chưa đạt chuẩn để được chấm điểm.

Điểm	Cách hiểu đơn giản	Nhận xét cho phụ huynh
A*	Xuất sắc	Nền tảng rất mạnh ở môn này.
A	Rất tốt	Có khả năng học tiếp môn này ở cấp cao hơn.
B	Tốt	Nắm khá chắc kiến thức.
C	Đạt tốt / đạt chuẩn	Cần xem mục tiêu tiếp theo để quyết định.
D–G	Dưới mức kỳ vọng cao	Cần củng cố thêm nền tảng.
U	Không đạt	Cần đánh giá lại chiến lược học.

Phụ huynh cần nhớ

Chữ **C** trong IGCSE thường là một mức đạt vững, không phải “điểm kém”. Việc C có đủ hay không phụ thuộc vào việc con dự định học gì tiếp theo.

Mẹo đọc nhanh

Hãy đọc bảng điểm IGCSE theo **nhóm môn**: con mạnh ở nhóm tự nhiên, xã hội hay ngôn ngữ? Điều này quan trọng hơn việc đếm số chữ A.

Hệ điểm số 9–1 trong GCSE/IGCSE

Bên cạnh thang chữ, một số hệ (đặc biệt tại Anh) dùng **thang số 9–1**, trong đó **9 là cao nhất**. Hai mốc thường được nhắc tới: **4 — standard pass** và **5 — strong pass** trong nhiều ngữ cảnh tại Anh.

Hệ 9–1	Cách hiểu gần đúng
9	Cao hơn hoặc tương đương A* rất mạnh
8	A* / A rất cao
7	A
6	B cao
5	B/C cao (thường xem là strong pass)
4	C (thường xem là standard pass)
3–1	D–G

Lưu ý quan trọng

Đây là bảng **tham khảo** để phụ huynh dễ hình dung, **không phải** quy đổi chính thức cho mọi trường hợp. Mỗi hội đồng thi và mỗi trường có thể có cách xét riêng.

Điều quan trọng không phải là “9 bằng đúng A* hay không”, mà là con đang nằm ở **vùng năng lực nào** trên thang đó.

Khi nào điểm IGCSE thật sự quan trọng?

Không phải lúc nào IGCSE cũng được nhìn với cùng trọng số. Có những thời điểm điểm IGCSE trở nên đặc biệt quan trọng:

- **Khi chọn môn cho giai đoạn tiếp theo:** điểm IGCSE giúp xác định con nên học môn nào ở A Level / IB / AP.
- **Khi trường yêu cầu điểm nền tảng:** nhiều trường đặt ngưỡng cho Toán, Khoa học và tiếng Anh.
- **Khi hồ sơ đại học cần chứng minh năng lực sớm:** một số đại học nhìn IGCSE/GCSE như bằng chứng học thuật ban đầu.
- **Khi đánh giá độ phù hợp ngành:** kết quả IGCSE cho biết con có nền tảng cho ngành mơ ước hay chưa.

Ví dụ thực tế

Nếu con muốn theo ngành Y, điểm IGCSE Biology và Chemistry là tín hiệu nền tảng sớm. Nếu còn yếu, đây là lúc lý tưởng để củng cố — trước khi bước vào A Level/IB với áp lực cao hơn.

TÓM TẮT NHANH

IGCSE quan trọng nhất ở vai trò **bản lề**: nó quyết định con chọn môn gì tiếp theo và cho thấy con đã sẵn sàng cho hướng đi nào.

Ví dụ: đọc một bảng điểm IGCSE

Hãy cùng đọc một bảng điểm giả định để thấy cách phân tích trong thực tế.

Học sinh A — bảng điểm IGCSE

Môn	Điểm
Mathematics	A*
Physics	A
Chemistry	B
English (Second Language)	A
Business Studies	B
Economics	A

Phân tích

- **Điểm mạnh:** Toán, Khoa học (Physics) và tiếng Anh — một nền tảng cân bằng và vững.
- **Gợi ý chọn môn A Level:** có thể cân nhắc Mathematics, Physics, Economics.
- **Nếu hướng Engineering:** cần duy trì Toán và Physics ở mức rất cao trong giai đoạn tới.
- **Nếu hướng Business/Economics:** nền tảng hiện đã tốt; có thể đẩy mạnh thêm Toán để mở rộng lựa chọn.

Cách phụ huynh áp dụng

Đừng dừng ở việc “con được mấy A”. Hãy hỏi: **những điểm này mở ra hướng đi nào, và môn nào cần giữ vững để không khoá lại cơ hội ngành con thích?**

A Level dùng hệ điểm nào?

A Level là chương trình học chuyên sâu, thường theo một tổ hợp 3–4 môn. Hệ điểm dùng các chữ A*, A, B, C, D, E, trong đó A* là cao nhất và E là mức đạt tối thiểu. U nghĩa là chưa đạt.

A*

Cao nhất

E

Đạt tối thiểu

U

Chưa đạt

Điều khiến A Level khác IGCSE

A Level có **độ sâu học thuật cao hơn hẳn** IGCSE. Mỗi môn đi sâu vào nội dung chuyên ngành, đòi hỏi tư duy phân tích và lập luận ở mức cao hơn. Vì vậy, không nên lấy cảm giác về điểm IGCSE để đánh giá điểm A Level — cùng một chữ cái nhưng “sức nặng” đã khác.

Phụ huynh cần nhớ

Vì A Level chuyên sâu, một chữ B ở đây phản ánh năng lực khác hẳn một chữ B ở môn phổ thông thông thường. Hãy giữ điều này trong đầu khi đọc bảng điểm.

Hiểu điểm A Level theo góc nhìn đại học

Điều phụ huynh thực sự quan tâm là: điểm này có ý nghĩa gì khi con nộp đại học? Bảng dưới đây diễn giải theo đúng góc nhìn đó.

Điểm A Level	Cách hiểu	Ý nghĩa khi nộp đại học
A*	Xuất sắc	Rất cạnh tranh, phù hợp cả những ngành/trường khắt khe.
A	Rất mạnh	Phù hợp nhiều ngành và nhiều trường tốt.
B	Tốt	Vẫn là điểm có giá trị, được nhiều trường công nhận.
C	Đạt khá	Cần xem yêu cầu cụ thể của trường và ngành.
D/E	Đạt nhưng chưa mạnh	Có thể giới hạn một số lựa chọn.
U	Không đạt	Cần chiến lược học lại hoặc cân nhắc đổi hướng.

Ví dụ thực tế

Một tổ hợp **A*AA** mở ra rất nhiều cánh cửa, kể cả các ngành cạnh tranh. Nhưng **ABB** vẫn là một hồ sơ tốt cho rất nhiều lộ trình đại học chất lượng — điều quan trọng là khớp với yêu cầu của ngành con chọn.

Lưu ý quan trọng

Yêu cầu điểm đầu vào khác nhau theo từng trường, từng ngành và từng quốc gia. Hãy luôn kiểm tra yêu cầu chính thức thay vì áp một chuẩn chung.

Predicted Grade là gì?

Predicted grade là **điểm dự đoán** — mức điểm mà giáo viên kỳ vọng con có thể đạt ở kỳ thi chính thức. Đây là khái niệm rất quan trọng vì hồ sơ đại học thường được nộp **trước khi** có điểm cuối cùng.

Predicted grade dựa trên đâu?

- Kết quả các bài kiểm tra và **mock exam** (thi thử).
- Thái độ học tập và mức độ tiến bộ qua thời gian.
- Đánh giá chuyên môn của giáo viên về tiềm năng của con.

Ví dụ thực tế

- **Predicted A** có thể tụt xuống **B** nếu con chủ quan, lơ là giai đoạn nước rút.
- **Predicted B** hoàn toàn có thể lên **A** nếu có chiến lược ôn tập đúng và kỷ luật.

Đừng nhầm lẫn

Predicted grade **không phải** điểm chắc chắn. Nó là dự báo có thể thay đổi. Hãy xem nó như một **mục tiêu và lời nhắc**, chứ không phải kết quả đã chốt.

Vì sao A Level B không nên bị xem là “trung bình”?

Rất nhiều phụ huynh thấy chữ B liền nghĩ “chỉ trung bình”. Với A Level, cách nghĩ này thường không đúng.

- A Level là chương trình **chuyên sâu**: nội dung và yêu cầu cao hơn môn phổ thông thông thường.
- Một môn A Level có **độ khó đáng kể** — đạt B nghĩa là con đã nắm vững phần lớn kiến thức cốt lõi.
- B thể hiện một **nền tảng tốt**, đủ để theo nhiều lộ trình đại học chất lượng.

Phụ huynh cần nhớ

Với một số ngành cạnh tranh cao, B có thể chưa đủ và cần nâng lên. Nhưng với rất nhiều lộ trình khác, **B vẫn là điểm có giá trị thật**. Đừng để chữ cái tạo ra lo lắng không tương xứng.

TÓM TẮT NHANH

Đặt chữ B vào đúng bối cảnh chuyên sâu của A Level. Câu hỏi đúng không phải “B có kém không?” mà là “**B có đủ cho ngành con nhắm tới không?**”.

Ví dụ: đọc một tổ hợp điểm A Level

Học sinh B — predicted grades

Môn	Predicted
Mathematics	A
Economics	A
Business	B

Phân tích

- **Định hướng phù hợp:** nhóm ngành Business, Economics, Finance, Management.
- **Nếu nhắm trường top rất cao:** nên cố gắng nâng Business từ B lên A, hoặc bổ sung hồ sơ bằng hoạt động học thuật nổi bật.
- **Nếu nhắm Economics “thuần”:** Mathematics cần giữ thật vững, vì đây là môn lõi cho ngành này.

Cách phụ huynh áp dụng

Khi nhìn tổ hợp điểm, hãy ghép nó với **ngành mục tiêu**. Một tổ hợp “đẹp” là tổ hợp khớp với yêu cầu ngành, không nhất thiết phải toàn A*.

Gợi ý hành động

Với hồ sơ này, một kế hoạch hợp lý là: ưu tiên giữ Math & Economics ở mức A trở lên, đồng thời dành nỗ lực có trọng điểm để kéo Business tiệm cận A trong giai đoạn ôn cuối.

IB dùng thang điểm như thế nào?

Trong IB Diploma Programme (IBDP), **mỗi môn được chấm từ 1 đến 7**, với 7 là cao nhất. Học sinh học 6 môn, kết hợp với phần lõi (core).

Điểm môn	Mức năng lực
7	Xuất sắc
6	Rất tốt
5	Tốt
4	Đạt
3	Yếu trong nhiều bối cảnh
1–2	Rất yếu

Tổng điểm IBDP tối đa là 45

Tổng 45 điểm gồm: **42 điểm** từ 6 môn (mỗi môn tối đa 7) cộng **tối đa 3 điểm** thưởng từ **TOK** và **EE**.

42

Từ 6 môn (7×6)

+3

Từ TOK / EE

45

Tổng tối đa

Phụ huynh cần nhớ

IB là chương trình “học rộng”: con vừa học nhiều môn cân bằng, vừa hoàn thành phần lõi. Vì vậy tổng điểm IB phản ánh cả **chiều rộng lẫn chiều sâu**.

Bảng giải mã điểm IB 1–7

Dưới đây là cách hiểu nhanh từng mức điểm môn trong IB.

Điểm IB	Cách hiểu đơn giản	Nhận xét
7	Xuất sắc	Rất cạnh tranh.
6	Rất tốt	Năng lực học thuật mạnh.
5	Tốt	Có nền tảng ổn.
4	Đạt	Cần xem yêu cầu từng trường.
3	Yếu	Có thể ảnh hưởng điều kiện đầu vào.
1–2	Rất yếu	Cần hỗ trợ nghiêm túc.

Ví dụ thực tế

Một học sinh đạt phần lớn điểm 6 và một vài điểm 7 đang sở hữu một hồ sơ học thuật rất mạnh — kể cả khi không “toàn 7”.

Mẹo đọc nhanh

Trong IB, hãy nhìn vào **phân bố điểm**: con đạt 6–7 ở những môn nào? Nếu đó là các môn liên quan ngành con thích, đây là tín hiệu rất tốt.

SL và HL ảnh hưởng đến cách hiểu điểm ra sao?

Mỗi môn IB được học ở một trong hai cấp độ: **SL (Standard Level)** hoặc **HL (Higher Level)**. HL đi sâu hơn và đòi hỏi nhiều hơn.

Vì vậy, một điểm **6 ở HL** thường mang **trọng lượng học thuật cao hơn** điểm 6 ở SL trong cùng lĩnh vực. Các ngành đại học cũng thường yêu cầu **điểm HL cụ thể** ở những môn cốt lõi.

Ngành dự định	Môn HL thường được ưu tiên
Medicine / Biomedical Science	Chemistry HL, Biology HL điểm cao
Engineering	Mathematics AA HL và Physics HL
Economics	Mathematics AA/AI HL (tùy trường)

Lưu ý quan trọng

Khi đọc bảng điểm IB, đừng chỉ nhìn con số — hãy nhìn cả **SL/HL** đi kèm. Một điểm 6 HL ở môn lõi của ngành đáng giá hơn nhiều so với điểm 7 ở một môn SL không liên quan.

Tổng điểm IB bao nhiêu là tốt?

Bảng tham khảo dưới đây giúp phụ huynh hình dung mức tổng điểm IB.

Tổng điểm IB	Cách hiểu tham khảo
40–45	Rất xuất sắc, cạnh tranh cao.
36–39	Rất tốt.
32–35	Tốt.
28–31	Trung bình khá / đạt ổn.
24–27	Đạt tối thiểu nhưng lựa chọn có thể hạn chế.
Dưới 24	Có nguy cơ không đạt Diploma.

Lưu ý quan trọng

Đây chỉ là bảng **tham khảo chung**. Cần xem yêu cầu của **từng trường, từng ngành, từng quốc gia**. Nhiều trường còn đặt thêm yêu cầu điểm HL tối thiểu bên cạnh tổng điểm.

TÓM TẮT NHANH

Tổng điểm IB cho cái nhìn tổng quan, nhưng quyết định cuối cùng nằm ở **tổng điểm + điểm HL môn lõi + yêu cầu cụ thể của trường**.

TOK, EE và CAS ảnh hưởng gì đến bảng điểm?

Phần lõi (core) của IB gồm ba thành phần, mỗi phần có vai trò riêng.

Thành phần	Tên đầy đủ	Tác động đến điểm
TOK	Theory of Knowledge	Cùng EE đóng góp tối đa 3 điểm thưởng.
EE	Extended Essay	Bài luận nghiên cứu mở rộng; cùng TOK tạo điểm bonus.
CAS	Creativity, Activity, Service	Là yêu cầu phải hoàn thành; không tính điểm số theo cách thông thường nhưng bắt buộc đạt để nhận Diploma.

Phụ huynh cần nhớ

TOK và EE có thể nâng tổng điểm thêm tối đa 3. CAS tuy “không có điểm” nhưng nếu không hoàn thành, con có thể **không được cấp Diploma** dù điểm môn rất cao.

Ví dụ thực tế

Hai học sinh cùng đạt 39 điểm từ 6 môn. Một bạn có TOK/EE tốt được +3 thành 42; bạn còn lại chỉ +1 thành 40. Phần lõi đã tạo ra khác biệt rõ rệt.

Ví dụ: đọc một bảng điểm IB

Học sinh C — bảng điểm IB

Môn	Cấp độ	Điểm
Mathematics AA	HL	6
Physics	HL	6
Chemistry	HL	5
English B	SL	7
Economics	SL	6
Vietnamese A	SL	6
TOK / EE	Core	+2
Tổng		38 / 45

Phân tích

- Đây là một **hồ sơ học thuật mạnh**, cân bằng giữa các nhóm môn.
- **Phù hợp**: Engineering, Computer Science, Data Science, Physical Sciences.
- **Nếu nhắm trường top rất cao**: nên cố nâng các môn HL liên quan (Math, Physics) lên 7 nếu có thể.
- Điểm **English B SL**: 7 hỗ trợ tốt cho hồ sơ quốc tế.

Cách phụ huynh áp dụng

Hãy chú ý 3 môn HL — đây là phần được các ngành kỹ thuật/khoa học soi kỹ nhất. Cũng cố Chemistry HL từ 5 lên 6 có thể tạo khác biệt cho một số nguyện vọng.

AP là gì và điểm AP dùng để làm gì?

AP (Advanced Placement) là các môn học nâng cao theo kiểu Mỹ, thường gặp trong hệ Mỹ hoặc với học sinh muốn tăng độ cạnh tranh cho hồ sơ. Mỗi môn AP được chấm **từ 1 đến 5**.

AP giúp ích gì cho hồ sơ?

- Chứng minh con có khả năng học **nội dung nâng cao** ngay từ bậc phổ thông.
- Tạo điểm nhấn học thuật, đặc biệt ở những môn liên quan ngành con theo đuổi.
- Một số đại học có thể **cho tín chỉ hoặc miễn môn** nếu điểm AP đủ cao — tùy chính sách từng trường.

Phụ huynh cần nhớ

AP linh hoạt: con có thể chọn học từng môn riêng lẻ. Nhưng chính vì linh hoạt, con cần một **chiến lược chọn môn rõ ràng** thay vì học dàn trải.

Bảng giải mã điểm AP 1–5

Điểm AP	Cách hiểu phổ biến
5	Xuất sắc
4	Rất tốt
3	Đạt yêu cầu ở nhiều trường
2	Chưa đủ mạnh
1	Rất yếu

Diễn giải thêm

- **5** thường là điểm rất cạnh tranh, tín hiệu học thuật mạnh.
- **4** vẫn là điểm tốt, được nhiều trường đánh giá cao.
- **3** có thể được công nhận ở một số trường, nhưng **không phải tất cả**.
- Các trường top thường kỳ vọng **4–5** cho những môn liên quan trực tiếp đến ngành.

Lưu ý quan trọng

Việc một điểm AP 3 có “đủ” hay không phụ thuộc hoàn toàn vào trường và ngành. Hãy kiểm tra chính sách công nhận tín chỉ của từng trường mục tiêu.

AP có giống A Level hoặc IB không?

Ba hệ thống này dễ bị gộp chung, nhưng bản chất khác nhau.

Tiêu chí	AP	A Level	IB
Cấu trúc	Từng môn độc lập	Tổ hợp môn chuyên sâu	Chương trình tổng thể 6 môn + core
Tính linh hoạt	Cao	Vừa	Thấp hơn (cố định khung)
Chiều hướng	Rộng tùy chọn	Sâu, ít môn	Rộng & cân bằng

Điểm chung: cả ba đều có thể thể hiện năng lực học thuật cao. Khác biệt nằm ở cách tổ chức và triết lý.

Cách phụ huynh áp dụng

Đừng đánh giá AP bằng cách “đếm số môn”. Một bộ AP **ít môn nhưng đúng ngành, điểm cao** thường mạnh hơn nhiều AP rời rạc không có định hướng.

Lưu ý quan trọng

Học thật nhiều AP mà thiếu định hướng ngành có thể gây quá tải và làm loãng hồ sơ. Chất lượng và sự liên quan quan trọng hơn số lượng.

Ví dụ: đọc điểm AP

Học sinh D — bảng điểm AP

Môn AP	Điểm
Calculus BC	5
Physics C: Mechanics	4
Computer Science A	5
Macroeconomics	4

Phân tích

- **Định hướng rất rõ:** phù hợp Computer Science, Engineering, Data Science.
- **Calculus BC: 5** là tín hiệu học thuật mạnh cho các ngành định lượng.
- **Physics C: 4** vẫn tốt; nếu nhắm Engineering top cao, có thể bổ trợ bằng dự án hoặc hoạt động học thuật liên quan để làm nổi bật hồ sơ.

Gợi ý hành động

Bộ AP này đã “kể một câu chuyện” nhất quán về thiên hướng STEM. Bước tiếp theo nên là củng cố chiều sâu (dự án, cuộc thi, nghiên cứu nhỏ) hơn là thêm môn AP mới không liên quan.

GPA là gì và vì sao phụ huynh hay nhầm?

GPA (Grade Point Average) là **điểm trung bình tích lũy**, thường dùng trong hệ Mỹ. GPA có thể theo thang **4.0**, 5.0 hoặc 100, và có thể là **unweighted** hoặc **weighted**.

Vì sao GPA dễ gây nhầm?

- Cùng là “GPA 3.8”, nhưng ý nghĩa khác nhau tùy **cách tính** và **độ khó môn**.
- GPA là con số **tổng hợp** — nó che đi việc con học môn dễ hay môn nâng cao.

Lưu ý quan trọng

Không thể chỉ nhìn con số GPA mà kết luận. Luôn phải hỏi: GPA này **weighted** hay **unweighted**, và đi kèm **độ khó môn học** ra sao?

Unweighted GPA và Weighted GPA

Loại GPA	Cách hiểu
Unweighted GPA	Điểm trung bình chưa cộng trọng số độ khó (thường tối đa 4.0).
Weighted GPA	Điểm trung bình có tính đến độ khó môn học; có thể cao hơn 4.0 nếu học Honors, AP, IB.

Weighted GPA cộng thêm “điểm thưởng” cho các môn nâng cao, nên phản ánh tốt hơn việc con dám chọn chương trình khó.

Ví dụ thực tế

Hai học sinh cùng GPA 3.8: một bạn học nhiều môn AP/IB, bạn kia học toàn môn cơ bản. Trên giấy giống nhau, nhưng hồ sơ học thuật rất khác. Weighted GPA giúp làm rõ khác biệt này.

Phụ huynh cần nhớ

Khi nhà trường báo GPA, hãy hỏi rõ đó là weighted hay unweighted. Hai con số này không thể so trực tiếp với nhau.

GPA bao nhiêu là tốt?

Bảng tham khảo theo thang 4.0:

GPA (thang 4.0)	Cách hiểu tham khảo
3.8 – 4.0	Rất xuất sắc
3.5 – 3.79	Rất tốt
3.0 – 3.49	Tốt / khá
2.5 – 2.99	Trung bình khá
Dưới 2.5	Cần cải thiện

Lưu ý quan trọng

- Đây chỉ là tham khảo chung.
- Cần xem trường học, độ khó môn, xu hướng điểm và mục tiêu đại học.
- GPA **không phải** yếu tố duy nhất trong hồ sơ.

TÓM TẮT NHANH

GPA là một chỉ báo quan trọng nhưng không tự đứng một mình. Nó cần đi cùng **độ khó môn, transcript và phần còn lại của hồ sơ**.

Vì sao GPA cao chưa chắc đủ?

Một GPA đẹp là khởi đầu tốt, nhưng các đại học — đặc biệt là trường cạnh tranh — nhìn nhiều hơn thế.

- Đại học xét cả **độ khó môn học**, không chỉ con số trung bình.
- Con cần có **môn phù hợp ngành**, không chỉ điểm cao ở môn dễ.
- GPA cần đi cùng một **transcript đẹp** (sẽ nói kỹ ở Phần 9).
- Hoạt động học thuật, bài luận, thư giới thiệu, chứng chỉ cũng rất quan trọng.

Ví dụ thực tế

Một học sinh GPA 3.7 với nhiều môn AP/IB nâng cao có thể **cạnh tranh hơn** một học sinh GPA 3.9 chỉ học môn cơ bản — vì hồ sơ thể hiện sự thử thách bản thân và chiều sâu học thuật.

Cách phụ huynh áp dụng

Đừng tối ưu GPA bằng cách né môn khó. Hãy cân bằng giữa **giữ GPA tốt** và **chọn môn đủ thử thách, đúng ngành**.

Percentile là gì?

Percentile là một trong những khái niệm bị hiểu nhầm nhiều nhất. Điều quan trọng nhất cần nhớ ngay: **percentile KHÔNG phải phần trăm điểm đúng**.

Percentile đo vị trí, không đo điểm

Percentile cho biết **vị trí tương đối** của con so với nhóm so sánh:

- **90th percentile**: con có kết quả cao hơn khoảng 90% nhóm tham chiếu.
- **50th percentile**: con nằm ở mức **trung vị** — chính giữa nhóm, **không phải** “được 50 điểm”.

Ví dụ thực tế

Con đạt 85th percentile nghĩa là con làm tốt hơn khoảng 85% bạn cùng nhóm — một kết quả rất khá, dù con số “85” khiến nhiều phụ huynh tưởng là “85/100 điểm”.

Lưu ý quan trọng

Để hiểu percentile, luôn phải biết **nhóm so sánh là ai**. 85th percentile trong một nhóm rất giỏi có ý nghĩa khác với 85th percentile trong nhóm đại trà.

Ví dụ dễ hiểu về percentile

Hãy hình dung một lớp gồm **100 học sinh** cùng làm một bài kiểm tra.

90th

Cao hơn ~90 bạn

75th

Cao hơn ~75 bạn

50th

Quanh mức giữa nhóm

- Học sinh ở **90th percentile** có kết quả cao hơn khoảng 90 bạn.
- Học sinh ở **75th percentile** cao hơn khoảng 75 bạn.
- Học sinh ở **50th percentile** nằm quanh mức trung vị.

Percentile đặc biệt quan trọng trong các **kỳ thi chuẩn hoá** hoặc bài đánh giá năng lực, nơi điều cần biết không chỉ là “được bao nhiêu điểm” mà là “đứng ở đâu so với những thí sinh khác”.

Cách phụ huynh áp dụng

Khi thấy percentile, hãy dịch nó thành một câu đơn giản: “Con làm tốt hơn khoảng ____% nhóm so sánh.” Đó là cách hiểu đúng và dễ nhất.

Những sai lầm phổ biến khi đọc percentile

Năm hiểu nhầm dưới đây rất thường gặp:

#	Sai lầm	Vì sao sai
1	Nghĩ 80th percentile là 80/100 điểm	Percentile là vị trí, không phải điểm số.
2	Nghĩ 50th percentile là “thấp”	50th là trung vị — mức giữa, không hề tệ.
3	Không xem nhóm so sánh là ai	Cùng một percentile, ý nghĩa khác nhau theo nhóm.
4	So percentile giữa hai bài thi khác nhau	Hai bài khác nhau có nhóm và thang khác nhau.
5	Bỏ qua độ tin cậy & bối cảnh bài thi	Một lần thi không phản ánh toàn bộ năng lực.

TÓM TẮT NHANH

Percentile rất hữu ích nếu đọc đúng. Hãy luôn gắn nó với **nhóm so sánh** và **bối cảnh bài thi**, và đừng nhầm nó với điểm phần trăm.

Có thể quy đổi điểm quốc tế không?

Câu trả lời ngắn gọn: **có thể quy đổi tương đối để dễ hình dung, nhưng không nên xem là tuyệt đối.**

- Quy đổi giúp phụ huynh có một “bản đồ chung” để so sánh sơ bộ giữa các hệ.
- Nhưng mỗi **trường, quốc gia, tổ chức** có chính sách riêng.
- Đại học thường đọc điểm trong **bối cảnh hệ thống gốc**, không chỉ dựa vào một bảng quy đổi đơn giản.

Phụ huynh cần nhớ

Hãy dùng bảng quy đổi như một chiếc **la bàn** để định hướng, không phải một chiếc **thước đo chính xác tuyệt đối**.

Bảng quy đổi tham khảo giữa các hệ điểm

Bảng dưới đây giúp phụ huynh hình dung các mức năng lực tương ứng giữa các hệ.

Mức năng lực	IGCSE / A Level	IB	AP	GPA (tham khảo)
Xuất sắc	A*	7	5	3.8 – 4.0
Rất tốt	A	6	4	3.5 – 3.79
Tốt	B	5	3–4	3.0 – 3.49
Đạt	C	4	3	2.5 – 2.99
Cần cải thiện	D/E trở xuống	3 trở xuống	1–2	Dưới 2.5

Lưu ý quan trọng

Đây chỉ là bảng **tham khảo** để phụ huynh dễ hiểu. **Không** dùng thay thế yêu cầu chính thức của trường, hội đồng thi hoặc đại học. Mỗi đại học có chính sách xét tuyển riêng.

Vì sao không nên quy đổi máy móc?

Mỗi chương trình có độ khó và cách đánh giá khác nhau, nên một phép quy đổi “1 đổi 1” thường không phản ánh đúng thực tế.

Hệ thống	Đặc điểm khiến khó quy đổi tuyệt đối
A Level	Học sâu, ít môn, chuyên biệt.
IB	Học rộng, có HL/SL và phần lõi (core).
AP	Theo từng môn độc lập, linh hoạt.
GPA	Phụ thuộc trường và cách tính (weighted/unweighted).
Percentile	Phụ thuộc nhóm so sánh.

Ví dụ thực tế

- **IB 6 HL** và **AP 4** đều tốt, nhưng không thể nói luôn luôn tương đương.
- **GPA 3.7** ở một trường rất cạnh tranh có thể đáng giá hơn **GPA 3.9** ở một trường dễ hơn.

TÓM TẮT NHANH

Quy đổi giúp định hướng, nhưng giá trị thật của điểm nằm ở **bối cảnh chương trình, độ khó môn và yêu cầu cụ thể của trường**.

Transcript là gì?

Transcript là bảng điểm học thuật chính thức (hoặc bán chính thức) ghi lại hành trình học tập của con qua thời gian.

Transcript thường ghi những gì?

- Các **môn học** con đã hoàn thành.
- **Điểm số** từng môn.
- **Năm học** và **cấp độ môn** (ví dụ Honors, AP, HL).
- **Tín chỉ** và **GPA** (nếu có).

Đại học dùng transcript để hiểu **toàn bộ quá trình học** của con — không chỉ một con số cuối cùng, mà cả lựa chọn môn, độ khó và sự tiến bộ theo thời gian.

Phụ huynh cần nhớ

Transcript giống như “lý lịch học thuật” của con. Một transcript kể được câu chuyện rõ ràng, nhất quán sẽ tạo ấn tượng tốt hơn nhiều so với một bảng điểm rời rạc.

7 yếu tố phụ huynh nên xem trong transcript

#	Yếu tố	Vì sao quan trọng
1	Môn học đã chọn	Cho thấy thiên hướng & định hướng ngành.
2	Cấp độ môn học	Honors/AP/HL thể hiện con dám thử thách.
3	Điểm từng môn	Bức tranh chi tiết hơn điểm trung bình.
4	Xu hướng điểm qua từng năm	Đi lên là tín hiệu rất tích cực.
5	Sự phù hợp với ngành dự định	Môn lõi của ngành có mạnh không?
6	Độ cân bằng giữa các nhóm môn	Tránh lệch quá mức nếu ngành cần cân bằng.
7	Ghi chú đặc biệt	Predicted grade, internal assessment, exam result.

Cách phụ huynh áp dụng

Khi cầm transcript, đừng đọc từ trên xuống một cách máy móc. Hãy đặt 7 câu hỏi trên — chúng giúp bạn nhìn ra **câu chuyện** phía sau các con số.

Xu hướng điểm quan trọng hơn một điểm đơn lẻ

Một trong những điều phụ huynh dễ bỏ qua nhất: đại học thường đánh giá cả **quá trình**, không chỉ một điểm số tại một thời điểm.

- Học sinh **tiến bộ đều** là một tín hiệu rất tích cực.
- Một học kỳ thấp điểm có thể được giải thích nếu sau đó con **phục hồi rõ rệt**.
- Phụ huynh nên nhìn **xu hướng (trend)** thay vì phản ứng quá mạnh với một điểm đơn lẻ.

Ví dụ thực tế

Grade 10: **B** → Grade 11: **A** → Grade 12 (predicted): **A***.

Đây là một xu hướng đi lên rất đẹp, cho thấy con đang trưởng thành trong học tập.

Phụ huynh cần nhớ

Một điểm thấp giữa một xu hướng đi lên không phải “vết đen”. Điều các trường trân trọng là khả năng **học hỏi và tiến bộ** của con.

Transcript “đẹp” trông như thế nào?

Một transcript đẹp không phải transcript “toàn A bằng mọi giá”, mà là transcript **kể được một câu chuyện học thuật rõ ràng**.

- ✓ Môn học **phù hợp với ngành** con định theo.
- ✓ Điểm **ổn định hoặc tăng dần** theo thời gian.
- ✓ Có **môn nâng cao** phù hợp (Honors/AP/HL).
- ✓ **Không** có quá nhiều môn dễ chỉ để “kéo GPA”.
- ✓ Thể hiện rõ **thế mạnh học thuật** của con.
- ✓ Có sự **cân bằng** giữa kết quả và định hướng.

TÓM TẮT NHANH

Transcript đẹp = **đúng môn cho ngành + điểm ổn định/tăng + dám chọn môn khó + thể hiện thế mạnh rõ ràng**. Đó là điều phụ huynh nên cùng con hướng tới.

Đại học nhìn điểm số như thế nào?

Điểm số là một **bằng chứng học thuật quan trọng**, nhưng hiếm khi là yếu tố duy nhất.

- Điểm chứng minh con có nền tảng để học tốt ở bậc cao hơn.
- Nhưng đại học cũng xét **bối cảnh**: chương trình, độ khó môn, hoàn cảnh.
- Với ngành cạnh tranh, **điểm môn liên quan** rất quan trọng.
- Một số trường áp dụng **holistic review** — xem nhiều yếu tố ngoài điểm như bài luận, hoạt động, thư giới thiệu.

Phụ huynh cần nhớ

Điểm mở cánh cửa, nhưng phần còn lại của hồ sơ quyết định con bước qua được bao xa. Hãy đầu tư cân bằng giữa điểm số và các yếu tố khác.

Điểm môn liên quan quan trọng hơn điểm trung bình chung

Với hầu hết các ngành, các trường nhìn kỹ **điểm những môn lõi của ngành** hơn là chỉ nhìn điểm trung bình.

Ngành	Môn đặc biệt quan trọng
Engineering	Toán và Physics
Medicine / Biomedical	Biology, Chemistry
Economics	Mathematics và Economics
Business	Mathematics, Business, Economics, English
Computer Science	Mathematics, Computer Science, Physics (lợi thế)

Ví dụ thực tế

Một học sinh muốn học Engineering có GPA chung khá nhưng Toán và Physics rất mạnh sẽ thuyết phục hơn một học sinh GPA cao đều nhưng Toán/Physics chỉ ở mức trung bình.

Cách phụ huynh áp dụng

Hãy xác định 2–3 môn lõi cho ngành con thích, rồi ưu tiên nguồn lực ôn tập cho đúng những môn đó.

Mục tiêu điểm theo nhóm đại học

Bảng định hướng tham khảo dưới đây giúp phụ huynh đặt mục tiêu điểm hợp lý theo nhóm trường.

Nhóm mục tiêu	Mức điểm thường nên hướng tới
Đại học top rất cạnh tranh	Gần mức cao nhất ở các môn liên quan.
Đại học tốt / cạnh tranh vừa	Điểm mạnh và ổn định.
Đại học định hướng thực hành	Điểm đạt yêu cầu + hồ sơ phù hợp.
Chương trình pathway / foundation	Đạt chuẩn đầu vào tối thiểu.

Lưu ý quan trọng

Mỗi trường có yêu cầu riêng và thay đổi theo năm. Hãy luôn kiểm tra yêu cầu chính thức của từng trường, từng ngành trước khi chốt mục tiêu.

TÓM TẮT NHANH

Đặt mục tiêu điểm **theo nhóm trường và theo môn lõi của ngành**, thay vì chạy theo một con số chung chung cho mọi nguyện vọng.

Đừng vội kết luận từ một điểm thấp

Khi con mang về một điểm thấp, phản xạ tự nhiên của phụ huynh là lo lắng. Nhưng một điểm thấp **không** định nghĩa năng lực của con.

Hãy tìm hiểu nguyên nhân trước

Điểm thấp có thể đến từ rất nhiều lý do khác nhau:

- **Kiến thức:** con chưa nắm vững nội dung.
- **Kỹ năng làm bài:** con hiểu bài nhưng làm bài chưa hiệu quả.
- **Ngôn ngữ:** rào cản tiếng Anh học thuật.
- **Quản lý thời gian:** làm không kịp giờ.
- **Tâm lý thi:** căng thẳng, mất bình tĩnh.

Cách phụ huynh áp dụng

Hãy xem một điểm thấp như một **tín hiệu để điều chỉnh sớm**, không phải một bản án. Tìm đúng nguyên nhân sẽ giúp con cải thiện nhanh hơn nhiều so với chỉ lo lắng.

5 câu hỏi nên hỏi trước khi lo lắng

Trước khi phản ứng, hãy bình tĩnh trả lời năm câu hỏi sau. Chúng giúp bạn đánh giá tình huống một cách khách quan.

#	Câu hỏi	Vì sao quan trọng
1	Đây là điểm bài kiểm tra nhỏ hay điểm chính thức?	Trọng số rất khác nhau.
2	Môn này có quan trọng với ngành con muốn học không?	Quyết định mức ưu tiên.
3	Con yếu kiến thức hay yếu kỹ năng làm bài?	Hai vấn đề cần cách giải khác nhau.
4	Điểm đang đi xuống hay đang cải thiện?	Xu hướng quan trọng hơn một điểm.
5	Còn bao lâu trước kỳ thi chính thức?	Quyết định kế hoạch hành động.

Phụ huynh cần nhớ

Năm câu hỏi này biến nỗi lo mơ hồ thành một bức tranh rõ ràng. Khi đã có câu trả lời, bạn sẽ biết nên hành động hay nên yên tâm.

Khi nào con cần hỗ trợ học thuật?

Một số dấu hiệu cho thấy con nên được hỗ trợ thêm — càng sớm càng tốt:

- ✓ Điểm **giảm liên tục** qua nhiều bài/kỳ.
- ✓ Con **mất gốc** ở một môn nền tảng.
- ✓ Con **không hiểu tiêu chí chấm điểm** (rubric).
- ✓ Con **học nhiều nhưng điểm không tăng**.
- ✓ Con chuẩn bị thi chính thức trong **3–6 tháng** tới.
- ✓ Con cần đạt **điều kiện đầu vào cụ thể** cho đại học.

Ví dụ thực tế

Một học sinh chăm chỉ nhưng điểm Toán “đứng yên” suốt nhiều kỳ thường không phải do thiếu nỗ lực, mà do phương pháp hoặc lỗ hổng kiến thức. Đây là lúc hỗ trợ đúng cách sẽ tạo bước nhảy.

Times Edu có thể đồng hành

Khi xuất hiện các dấu hiệu trên, một buổi phân tích bảng điểm và xác định lỗ hổng cụ thể thường giúp gia đình tìm ra hướng đi rõ ràng hơn.

Cách xây dựng kế hoạch cải thiện điểm

Một kế hoạch tốt không cần phức tạp. Khung 5 bước dưới đây dễ áp dụng cho hầu hết tình huống.

Bước	Việc cần làm
1. Rà soát	Đọc lại bảng điểm, xác định môn ưu tiên cần cải thiện.
2. Phân tích	Tìm lỗi học thuật cụ thể: hổng kiến thức hay yếu kỹ năng làm bài?
3. Đặt mục tiêu	Đặt mục tiêu điểm thực tế , có thể đo lường.
4. Lập kế hoạch	Chia nhỏ theo tuần, gắn với từng nội dung cụ thể.
5. Theo dõi	Dùng mock test / bài đánh giá định kỳ để đo tiến bộ.

TÓM TẮT NHANH

Cải thiện điểm là một **quy trình**, không phải một cú bút phá may rủi: rà soát → phân tích → đặt mục tiêu → lập kế hoạch → theo dõi.

Checklist: đọc bảng điểm quốc tế của con

In trang này ra hoặc lưu lại để dùng mỗi khi con có bảng điểm mới. Đánh dấu vào ô khi bạn đã trả lời được từng câu.

☐ Con đang học hệ điểm nào? (IGCSE / A Level / IB / AP / GPA)

☐ Điểm này là điểm chính thức hay điểm dự đoán (predicted)?

☐ Môn này có liên quan đến ngành đại học con muốn học không?

☐ Trong hệ đó, điểm hiện tại là cao, trung bình hay cần cải thiện?

☐ Có cần xem percentile hoặc ranking để hiểu rõ hơn không?

☐ GPA của con là weighted hay unweighted?

☐ Điểm đang có xu hướng tăng hay giảm theo thời gian?

☐ Có môn nào đang kéo tổng điểm xuống không?

☐ Con có hiểu tiêu chí chấm điểm (rubric) của môn không?

☐ Cần hỗ trợ môn nào trong 3 tháng tới?

Cách phụ huynh áp dụng

Nếu trả lời được cả 10 câu, bạn đã hiểu bảng điểm của con sâu hơn phần lớn phụ huynh. Những câu chưa trả lời được chính là việc cần làm tiếp theo.

Bảng tóm tắt nhanh các hệ điểm

Một trang “bỏ túi” để tra cứu nhanh bất cứ lúc nào.

Hệ thống	Thang điểm	Cao nhất	Điều cần nhớ
IGCSE / GCSE	A*–G hoặc 9–1	A* hoặc 9	Nền tảng trước chương trình nâng cao.
A Level	A*–E	A*	Độ sâu học thuật cao.
IB	1–7 mỗi môn, tối đa 45	7 mỗi môn · 45 tổng	Học rộng, có HL/SL và core.
AP	1–5	5	Môn nâng cao kiểu Mỹ.
GPA	0–4.0 hoặc weighted	Tùy hệ	Cần xem độ khó môn.
Percentile	1–99	99th percentile	Thể hiện vị trí tương đối.

Phụ huynh cần nhớ

Mỗi hệ có “điểm cao nhất” khác nhau. Đừng so trực tiếp con số giữa các hệ — hãy so **mức năng lực** mà con số đó đại diện.

Mini glossary — từ điển thuật ngữ

Một bộ từ vựng nền tảng để phụ huynh đọc bảng điểm và trao đổi với nhà trường tự tin hơn.

Grade. Điểm/mức xếp loại của một môn hoặc một bài.

Transcript. Bảng điểm học thuật ghi lại quá trình học của con.

GPA. Điểm trung bình tích lũy (Grade Point Average).

Weighted GPA. GPA có tính trọng số độ khó môn (AP/IB/Honors).

Unweighted GPA. GPA chưa tính trọng số, thường tối đa 4.0.

Percentile. Vị trí tương đối so với nhóm so sánh (không phải % điểm).

Predicted Grade. Điểm dự đoán do giáo viên đưa ra trước kỳ thi chính thức.

Final Grade. Điểm chính thức sau kỳ thi/đánh giá cuối.

Internal Assessment. Phần đánh giá nội bộ trong chương trình (ví dụ IB IA).

External Exam. Kỳ thi do hội đồng bên ngoài tổ chức và chấm.

Standard Level (SL). Cấp độ tiêu chuẩn của một môn IB.

Higher Level (HL). Cấp độ nâng cao, chuyên sâu hơn của một môn IB.

Credit. Tín chỉ — đơn vị ghi nhận khối lượng/độ hoàn thành môn học.

Pass. Mức đạt yêu cầu tối thiểu.

Distinction. Mức xuất sắc, vượt trên đạt chuẩn thông thường.

Rank. Thứ hạng của học sinh trong nhóm/cohort.

Cohort. Nhóm học sinh cùng khoá/cùng kỳ dùng để so sánh.

10 câu nên hỏi trường hoặc cố vấn học thuật

Khi trao đổi với giáo viên, nhà trường hoặc cố vấn, mười câu hỏi sau giúp bạn nắm rõ tình hình của con.

1. Điểm này được tính theo hệ nào?
2. Điểm này có ảnh hưởng đến transcript chính thức không?
3. Con đang ở percentile bao nhiêu so với cohort?
4. GPA của con là weighted hay unweighted?
5. Môn nào là môn nâng cao trong chương trình của con?
6. Môn nào quan trọng nhất với ngành con muốn học?
7. Predicted grade được xác định như thế nào?
8. Con cần cải thiện môn nào trước?
9. Có cơ hội thi lại hoặc cải thiện điểm không?
10. Trường đại học mục tiêu yêu cầu điểm gì?

Cách phụ huynh áp dụng

Mang theo danh sách này trong các buổi họp phụ huynh hoặc gặp cố vấn. Hỏi đúng câu hỏi giúp bạn nhận được những thông tin thực sự hữu ích cho con.

Điểm số là bản đồ, không phải bản án

Nếu có một điều chúng tôi mong quý phụ huynh mang theo sau cuốn sổ tay này, thì đó là: **điểm số là một tấm bản đồ, không phải một bản án.**

Một tấm bản đồ cho bạn biết con đang ở đâu, con đường nào đang mở ra và đâu là chặng cần củng cố. Nó không quyết định con là ai, cũng không khép lại tương lai của con. Hiểu đúng điều này giúp cả gia đình bớt căng thẳng và hành động sáng suốt hơn.

- Điểm số giúp **nhìn thấy vị trí hiện tại** của con.
- Điểm số **không định nghĩa toàn bộ năng lực** của một con người.
- Hiểu đúng điểm số giúp phụ huynh **hỗ trợ con tốt hơn**, đúng lúc và đúng cách.
- Mỗi hệ điểm có **logic riêng** — và giờ đây bạn đã có chìa khoá để giải mã chúng.

Lời nhắn từ Times Edu

Điều quan trọng nhất không phải là một con số hoàn hảo, mà là một **chiến lược học tập phù hợp với mục tiêu** của con. Điểm số chỉ thực sự có giá trị khi nó dẫn tới hành động đúng.

Times Edu đồng hành cùng phụ huynh và học sinh

Hành trình giáo dục quốc tế có thể nhiều thuật ngữ và lựa chọn, nhưng quý phụ huynh không cần đi một mình. Times Edu có thể đồng hành cùng gia đình trong những việc cụ thể sau:

- ✓ **Đọc và phân tích** bảng điểm quốc tế của con.
- ✓ **Xác định môn học** cần ưu tiên cải thiện.
- ✓ **Lên kế hoạch** cải thiện điểm theo lộ trình rõ ràng.
- ✓ **Tư vấn chọn môn** IGCSE, A Level, IB, AP phù hợp.
- ✓ **Định hướng hồ sơ học thuật** theo mục tiêu đại học.
- ✓ **Xây dựng lộ trình học tập** rõ ràng, khả thi cho con.

Bước tiếp theo dành cho gia đình

“Nếu phụ huynh đang băn khoăn không biết điểm hiện tại của con đang ở mức nào, nên cải thiện môn nào trước hoặc nên chọn chương trình nào cho mục tiêu đại học, **Times Edu có thể giúp gia đình phân tích bảng điểm và xây dựng lộ trình phù hợp.**”

Mọi bảng quy đổi trong cuốn sổ tay này chỉ mang tính tham khảo. Không có một bảng quy đổi duy nhất áp dụng cho mọi quốc gia, trường học hay đại học; mỗi đại học có chính sách xét tuyển riêng. Phụ huynh nên kiểm tra yêu cầu chính thức của trường hoặc trao đổi với cố vấn học thuật.



TIMES EDU
Learn today lead tomorrow

Times Edu — Đồng hành cùng hành trình giáo dục quốc tế của con

TIMES EDU CÓ THỂ GIÚP GÌ

- Tư vấn chương trình quốc tế
- Hỗ trợ IGCSE, A Level, IB, AP
- Phân tích bảng điểm & lộ trình học tập
- Định hướng mục tiêu đại học

Liên hệ Times Edu để được tư vấn lộ trình học tập phù hợp cho con.

Hotline 036 203 8998 · Zalo 036 907 6996
admin@times.edu.vn

TIMES EDU · Learn today, lead tomorrow